TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG LÔ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc
Số:111/2017/QĐST-HNGĐ	*Sông Lô, ngày 12 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 171/2017/TLST-HNGĐ ngày 23/11/2017 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983.

Nơi ĐKHK: Thôn B, xã Đ, huyện S, Vĩnh Phúc.

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã M, huyện M, tỉnh Hưng Yên

Bị đơn: Anh Khổng Minh H, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Thôn B, xã Đồ, huyện S, Vĩnh Phúc

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 quy định về Phí và lệ phí;

Căn cứ vào nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Khổng Minh H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị T và anh H đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung Khổng Minh Q, sinh ngày 17/3/2005 và cháu Khổng Thùy D, sinh ngày 08/3/2011. Hiện nay hai con đang ở cùng chị T. Ly hôn chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Việc thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị Ta, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nộp 150.000đ nhưng được trừ số tiền 300.000đ chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2014/0002076 ngày 23/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Trả lại chị T 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- Đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu.

THẨM PHÁN
(đã kí tên và đóng dấu)

Trần Quốc Hồng